Quy hoạch Năng lượng thực hiện tại Việt Nam

Tháng 10/2016

Chuẩnbị bởi

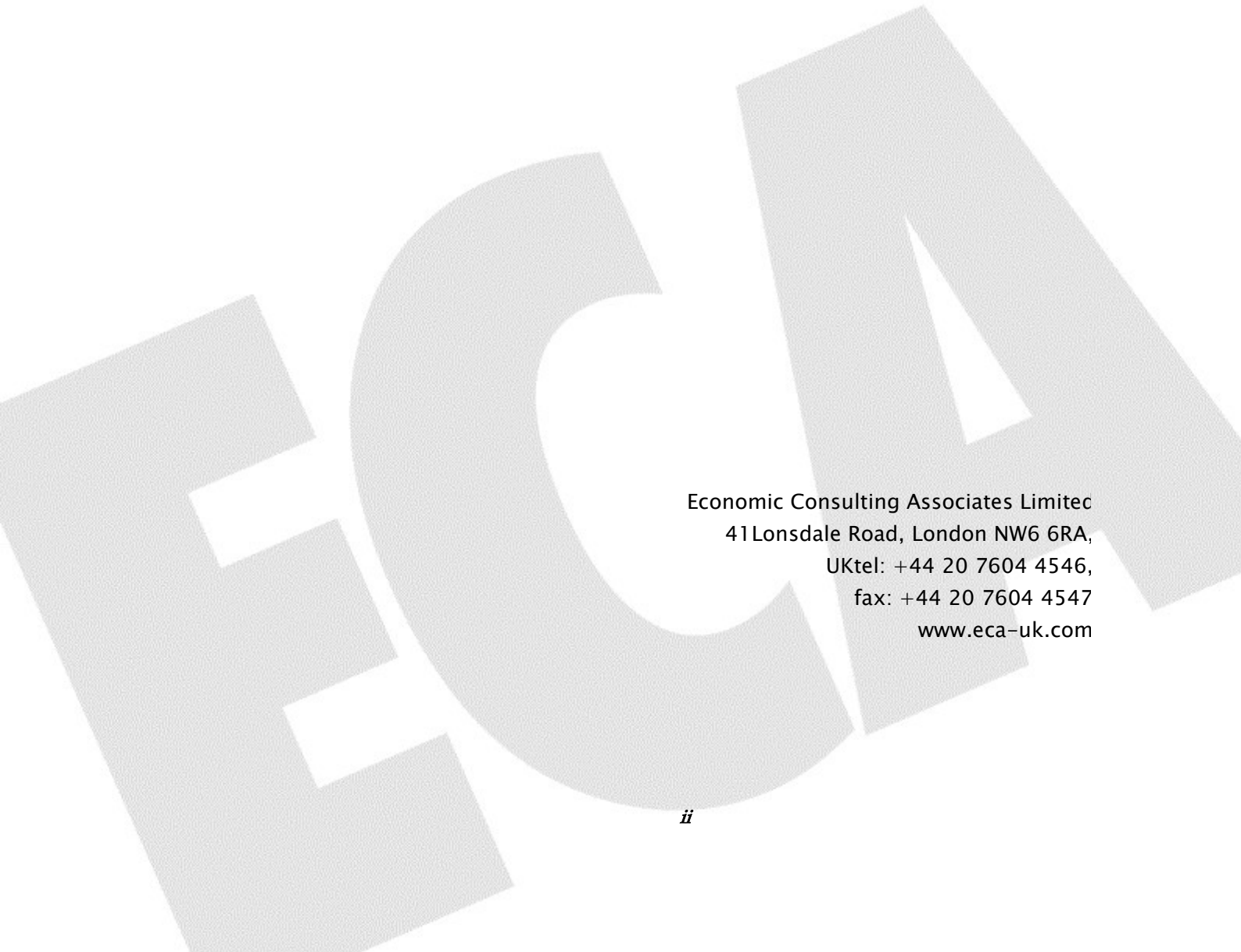

Economic Consulting Associates Limited
41Lonsdale Road, London NW6 6RA,
UKtel: +44 20 7604 4546,
fax: +44 20 7604 4547
www.eca-uk.com

Mục lục

Mục lụci

Tóm tắt Báo cáo và Đề xuất ii

Các thông điệp chính 1

Quy hoạch điện lực hiện tại của Việt Nam chú trọng vào than 2

Không nên đánh đổi phát triển với chi phí xã hội và chi phí môi trường cao cũng như rủi ro lớn 6

Các phương án đề xuất trong Quy hoạch Năng lượng Việt Nam 11

Kết luận 14

QUY HOẠCH NĂNG LƯỢNG THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM – MVEP

Tóm tắt Báo cáo và Đề xuất

Cách sử dụng các nguồn năng lượng nội địa của Việt Nam để mô phỏng đầu tư phát điện và để thực hiện nghĩa vụ biến đổi khí hậu của Việt Nam

Được ủy nhiệm bởi Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Nhóm Công tác Năng lượng, hỗ trợ bởi Eurocham Vietnam, Amcham Việt Nam và Phòng Thương mại Bắc Âu.

Chuẩn bị bởi Công ty Economic Consulting Associates

Tóm tắt

Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam trình bày báo cáo này nhằm chỉ ra những ưu thế khi chú trọng vào các giải pháp sạch hơn trong nước cho nhu cầu năng lượng trong tương lai của Việt Nam đồng thời để chứng minh các ưu điểm trong việc ưu tiên các nguồn năng lượng trong nước so với các nguồn nhập khẩu về các mục tiêu xã hội, kinh tế, an ninh năng lượng của Việt Nam, những cam kết môi trường trong nước và toàn cầu của Việt Nam, và để thu hút đầu tư tư nhân. Báo cáo này cũng đưa ra các biện pháp điều tiết và chính sách chính có thể hỗ trợ Việt Nam tiến tới đạt được các mục tiêu này.

Quy hoạch Năng lượng thực hiện tại Việt Nam (Quy hoạch Năng lượng Việt Nam – MVEP) tập trung vào phân tích và hỗ trợ điều tiết các vấn đề sau đây:

1. **Hiệu suất năng lượng –** bao gồm việc tăng cường vai trò của Chính phủ và sử dụng các công cụ Quản lý Phía Cầu để giảm lãng phí và thu hút đầu tư tư nhân cũng như có những đổi mới trong hiệu suất năng lượng.

2. **Năng lượng tái tạo –** chuẩn bị chính sách và khung điều tiết để tạo thuận lợi xây dựng thị trường thành công và thu hút các dự án đầu tư cần thiết vào năng lượng tái tạo từ các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, các công ty cung cấp dịch vụ và công nghệ.

3. **Khí tự nhiên của Việt Nam –** thúc đẩy và mở rộng đầu tư sử dụng khí tự nhiên nội địa vì đây là nhiên liệu sạch hơn, rẻ hơn và linh hoạt hơn than nhập khẩu. Khí vẫn là nhiên liệu ít gây ô nhiễm nhất (phát thải CO2 thấp hơn 60% so với than) và là nhiên liệu hóa thạch hiệu quả nhất về mặt chi phí, có thể đóng vai trò là nhiên liệu cầu nối để chuyển đổi từ than sang năng lượng sạch mà vẫn đảm bảo an ninh cung cấp.

Báo cáo này kết luận rằng Việt Nam có thể tiếp tục sử dụng tối đa các nguồn năng lượng trong nước để giảm rủi ro và tối đa hóa các lợi ích kinh tế xã hội về phát triển năng lượng tương lai, trên cơ sở những thành quả hiện nay.

Lợi ích của MVEP

- Đây là Quy hoạch phát triển năng lượng linh hoạt hơn có thể được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu trong tương lai, kịch bản cao hoặc thấp, và loại bỏ rủi ro tài sản treo hoặc rủi ro không đáp ứng được nhu cầu nếu tỷ lệ tăng trưởng cao hơn dự báo.

- Quy hoạch có thể thu hút thêm nhiều đầu tư mới từ các nguồn nước ngoài và trong nước, cụ thể là huy động các nguồn tư nhân, xây dựng năng lực sản xuất chế tạo tại địa phương, giảm sự phụ thuộc vào chính phủ nước ngoài và giảm nhu cầu về ngân sách, trợ giá và bảo lãnh của chính phủ Việt Nam hoặc GGU.

- Sử dụng điện hiệu quả hơn giảm lãng phí năng lượng và giúp Việt Nam cạnh tranh hơn, năng suất hơn và thu hút thêm nhiều FDI.

- Ngay lập tức có đầu tư tư nhân vào năng lượng sạch sau một thập kỷ hành động chậm trễ, giúp Việt Nam giảm sự phụ thuộc vào các dự án than lớn, mà các dự án này đòi hỏi thời gian dài đặt hàng nhiều năm, phát sinh các chi phí không cần thiết và tạo áp lực lớn đối với khoản vay của khu vực công, và năng lực đi vay của chính phủ.

- Giảm các chi phí ô nhiễm môi trường và xã hội từ các nhà máy than mới, ô nhiễm môi trường góp phần vào làm giảm chất lượng không khí và dẫn tới chi phí sức khỏe cao. Theo tính toán của Quỹ Tiền tệ Quốc tế, chúng tôi ước tính chi phí do ảnh hưởng sức khỏe và môi trường của các dự án nhiệt điện than trong quy hoạch phát triển điện lực hiện nay sẽ vào khoảng 15 tỷ đô la hàng năm vào năm 2030[1].

- Tránh tạo ra phụ thuộc vào than nhập khẩu dẫn tới rủi ro đối với an ninh cung cấp cũng như cần hàng tỷ đô la ngoại hối và cân bằng các rủi ro thanh toán.

- Giảm gánh nặng về tài chính, chi phí hậu cần và chi phí môi trường của việc vận chuyển than và lãng phí than.

- Bổ sung khoảng 15 – 20 tỷ đô la vào ngân sách của Chính phủ trong suốt tuổi thọ của dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện khí trong nước 3GW, so sánh với chi phí khoảng 20-25 tỷ đô la ngoại hối để nhập khẩu than và xây dựng một nhà máy nhiệt điện than công suất tương đương.

Những đề xuất về Chính sách và Điều tiết

Đường lối về năng lượng ổn định trong tương lai để thu hút đầu tư có thể được thực hiện ngay cùng với việc ban hành một số chính sách quan trọng, cải tổ điều tiết và thể chế, điều này đã được nhận diện là cần thiết đối với chính phủ và công ty điện lực thông qua ý kiến tư vấn của một số tổ chức tài trợ và các chuyên gia trong khu vực tư nhân và thực tế là những chính sách, công tác cải tổ này đã được triển khai thành công ở một số quốc gia khác.

Báo cáo này ủng hộ ưu tiên cho ba tiềm lực quốc gia nhằm đảm bảo một tương lai năng lượng có rủi ro thấp và hiệu quả về mặt chi phí đồng thời đề xuất các nhà máy nhiệt điện sử dụng than nhập khẩu sẽ có mức độ ưu tiên thấp hơn trong quy hoạch phát triển điện lực đến năm 2030.

Các hành động cụ thể là:

1. MVEP đề xuất tăng cường sử dụng các hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA) giữa các nhà máy và khách hàng lớn, thực tế này đã cho thấy hiệu quả lớn khi áp dụng ở các

[1]Được tính toán sử dụng nhà máy nhiệt điện than dự kiến 311 TWh trong năm 2030 và ước tính của IMF về chi phí sức khỏe và môi trường của việc tiêu thụ than ở Việt Nam vào khoảng 2,26$/GJ (tương đương với khoảng 8,07/MWh điện năng được phát ra). Áp dụng chi phí carbon 35$/tCO2e. Nguồn: *Định Giá Năng lượng Đúng,* 2014, IMF (http://www.imf.org/external/np/fad/environ/data/data.xlsx).

quốc gia tương tự. Các công ty như Apple, Nike,Coca Cola, Google và một số tập đoàn đa quốc gia khác đã công khai đưa ra nhiều cam kết toàn cầu về việc sẽ hướng tới sử dụng điện năng từ các dự án năng lượng tái tạo và hiệu suất năng lượng. Nhưng các chính sách hiện nay ở Việt Nam không cho phép giao dịch bán điện trực tiếp như vậy. Sự thay đổi trong chính sách cho phép các doanh nghiệp và khách hàng có thể tiếp cận trực tiếp đến năng lượng sạch, sẽ thu hút thêm đầu tư và các thương hiệu toàn cầu, giúp đưa Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất.

2. MVEP đưa ra một tầm nhìn rộng hơn đối với vấn đề chi phí và doanh thu khi xây dựng các dự án khí tự nhiên trong nước ngoài khơi. Trên quan điểm quốc gia, việc xây dựng nhà máy điện chạy khí có giá rẻ hơn nhiệt điện than sử dụng than nhập khẩu vì đóng góp ngân sách đáng kể cho Chính phủ từ tiền thuế và tiền thuê mỏ khí. Qua phân tích kỹ lưỡng, thấy rằng chi phí và cấu trúc doanh thu cho xây dựng phát triển dự án khí có lợi hơn so với phương án sử dụng than nhập khẩu. Hơn nữa, chi phí cao cho công nghệ "than sạch" cũng bất lợi hơn nhiều so với khí tự nhiên.

3. MVEP đề xuất triển khai khuyến nghị của GIZ (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Đức) and UNDP về những thay đổi đối với hợp đồng PPA điện gió và điện mặt trời để tăng giá bán đến mức "khả thi về mặt tài chính" trong biểu giá năng lượng tái tạo (FIT) đối với các dự án năng lượng tái tạo (giá tăng ít nhất đến 10.4 US cent/kWh đối với điện gió và 15 US cent/ kWh đối với điện mặt trời cho các PPA có thời hạn dưới 20 năm).

4. MVEP khuyến nghị ban hành Lộ trình Giá điện khi thực hiện đầy đủ cơ chế Định giá Theo Thị trường vào năm 2020, tầm nhìn đến 2025, bao gồm xác định giá biến đổi giữa ba nhóm biểu giá chính (sinh hoạt dân dụng, thương mại và công nghiệp). Việc đưa ra các thông tin chi phí thực tế sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, khách hàng và các nhà đầu tư có phương án đầu tư hiệu quả nhất đối với các thiết bị có hiệu suất cao và các quy trình. Đầu tư vào hiệu suất năng lượng và cải tiến quy trình hiện nay không được thực hiện thường xuyên vì các doanh nghiệp và khách hàng nghĩ rằng giá điện sẽ tiếp tục được Chính phủ trợ giá. Đồng thời, các nhà đầu tư cũng yêu cầu phải có bảo lãnh của Chính phủ vì giá hiện nay không phản ảnh toàn bộ chi phí sản xuất.

5. MVEP ủng hộ nâng cao độ tin cậy về khả năng trả nợ của EVN. Ngày càng có nhiều các tổ chức tài trợ quốc tế đề xuất hỗ trợ và bảo lãnh xây dựng các dự án năng lượng sạch và năng lượng tái tạo cũng như các quy trình thủ tục hỗ trợ tăng độ tin cậy về khả năng trả nợ của EVN trên quan điểm của các nhà đầu tư mới đối với những dự án này, với mức chi phí thấp cho Việt Nam. Việc củng cố tín dụng cho EVN sẽ hỗ trợ Chính phủ Việt Nam đạt được các mục tiêu về năng lượng và môi trường đồng thời khuyến khích các nhà đầu tư coi Việt Nam là thị trường hấp dẫn để thực hiện đầu tư.

6. MVEP khuyến khích Chính phủ làm việc với khu vực tư nhân trong nước để xây dựng cơ sở hạ tầng và khu bảo tồn trữ lượng khí ngoài khơi đồng thời khuyến khích các chiến lược thu hút đầu tư khai thác khí bổ sung đi vào thực hiện càng sớm càng tốt. Các mỏ khí lớn, một số mỏ được phát hiện 20 năm trước, vẫn là những mỏ chưa được khai thác phát triển đồng nghĩa với việc mất đi hàng chục tỷ đô la doanh thu ngân sách của Chính phủ.

7. MVEP khuyến khích Chính phủ làm việc với các chuyên gia điện mặt trời trong khu vực tư nhân và các doanh nghiệp ở Việt Nam đồng thời công bố Quyết định Quy hoạch Điện Mặt trời điều chỉnh trong năm 2016 cùng với các quy định hỗ trợ nhằm thu hút vốn đầu tư tư nhân.

8. MVEP đề xuất đưa ra những khuyến khích về thuế và điều tiết để khuyến khích các hộ gia đình cá thể và các doanh nghiệp giảm lượng điện năng sử dụng và lắp đặt các nguồn

điện mặt trời, điện gió hay các nguồn năng lượng tái tạo của chính họ nhằm giảm áp lực đối với hệ thống phân phối điện.

9. MVEP đề xuất cho phép đầu tư khu vực tư nhân tham gia rộng rãi vào lưới điện thông minh và công nghệ chuyển đổi thông minh nhằm đưa ra các giải pháp tiết kiệm hiệu quả về mặt chi phí.

10. MVEP đề xuất có các yêu cầu bắt buộc về hiệu suất năng lượng đối với các sản phẩm cụ thể như các thiết bị, máy phát và điều hòa không khí, cũng như cải thiện các tiêu chuẩn xây dựng đối với các tòa nhà gia đình, văn phòng, nhà máy và cơ sở bán lẻ.

11. MVEP khuyến nghị xây dựng hệ thống quản lý chất thải được cấu trúc hợp lý ở quy mô nhỏ và quy mô lớn, đặc biệt đối với lợi ích của cộng đồng địa phương: thông qua các chương trình nâng cao sức khỏe và vệ sinh, tăng cung cấp điện; giảm phát thải carbon và ảnh hưởng sức khỏe từ việc đốt rác thải nông nghiệp ngoài trời.

12. MVEP khuyến nghị cần có chiến dịch giáo dục người dân nâng cao nhận thức về khả năng của từng cá nhân giảm lãng phí điện năng đồng thời tạo ra một môi trường sạch vì lợi ích của tất cả mọi người và của các thế hệ sau.

Các thông điệp chính

Tổng quan

Để hỗ trợ Việt Nam đáp ứng được nhu cầu điện tăng đang tăng trưởng, đạt được mục tiêu đặt ra đối với biến đổi khí hậu từ hội nghị COP21 và để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam đã lập ra ”Quy hoạch Năng lượng Việt Nam“ (MVEP). Xây dựng dựa trên *Quy hoạch Phát triển Điện VII* (được MOIT điều chỉnh cho cho giai đoạn 2016-2030), *Báo cáo Tìm kiếm Con đường Phát triển Ít Phát thải Carbon cho Việt Nam* do Ngân hàng Thế giới tài trợ, hay *Báo cáo Tiềm năng và Phát triển Năng lượng tái tạo trong Tiểu vùng Sông Mekong* của ngân hàng ADB hoặc *Kế hoạch Khôi phục tình hình Tài chính cho EVN* của Ngân hàng Thế giới.

Những rủi ro trong Quy hoạch hiện tại

Quy hoạch Phát triển Điện lực hiện nay của Việt Nam (PDP VII) dự kiến sẽ có 55GW điện than vào năm 2030, tăng so với 14GW hiện nay. PDP VII dự báo số phần trăm của nhiệt điện than trong cơ cấu các nguồn năng lượng sơ cấp của Việt Nam vào năm 2030 tăng chiếm 53.2% công suất đặt. Dự báo xu hướng tăng trong năng lượng than sẽ chủ yếu từ than nhập khẩu với chi phí cao và rủi ro đối với Chính phủ. Đòi hỏi Việt Nam phải nhập khẩu khoảng 10 triệu tấn than mỗi năm từ năm 2017 trở đi, trong khi đó gánh nặng tài chính và vận chuyển khổng lồ sẽ không được phản ánh đầy đủ vào giá than dự báo.

Việt Nam hiện nay xếp hạng thứ 20 toàn cầu về sử dụng các nhà máy nhiệt điện than, theo PDP VII, vào năm 2030, lượng than sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện than sẽ gấp 15 lần khiến cho Việt Nam trở thành nước sử dụng than nhiều thứ tám trên thế giới. Mức sử dụng đó của Việt Nam sẽ tương đương với Nga và Indonesia mặc dù dân số dự báo chỉ bằng hai phần ba dân số Nga và một phần ba dân số Indonesia. Chỉ tính riêng vùng châu thổ sông Mekong đã có quy hoạch 14 nhà máy nhiệt điện than với công suất đặt 18GW vào năm 2030. Trong một nghiên cứu do tổ chức Hòa Bình Xan và Đại học Havard cùng thực hiện đã dự báo rằng ô nhiễm từ các nhà máy nhiệt điện than sẽ giết chết khoảng 4.300 người ở Việt Nam hàng năm và con số này sẽ tăng lên 25.000 người mỗi năm nếu các nhà máy ở châu thổ sông Mekong đi vào hoạt động.

Vào tháng 5/2016, Chủ tịch Ngân hàng Thế giới Jim Yong Kim đã nói rằng quyết định của Việt nam khi phát triển 40GW công suất điện than sẽ là một „thảm họa“ cho hành tinh, và tuyên bố rằng Ngân hàng Thế giới sẽ dành 28% quỹ của mình để hỗ trợ các nước đang phát triển đầu tư vào năng lượng tái tạo.

Các giải pháp

MVEP phác ra những nét chính về cách thức đáp ứng nhu cầu năng lượng của Việt Nam nhấn mạnh vào các nguồn năng lượng nội địa sạch hơn bao gồm: năng lượng tái tạo kể cả sinh khối, gió và mặt trời; hiệu suất năng lượng bền vững: và tăng cường phát triển xây dựng khí tự nhiên ngoài khơi của Việt Nam – tất cả những điều này sẽ góp phần giảm ảnh hưởng môi trường và nhu cầu than nhập khẩu. Báo cáo MVEP này xuất phát từ các khuyến nghị điều tiết và chính sách mà việc thay đổi những chính sách và điều tiết này có thể thu hút đầu tư tư nhân cần thiết để đáp ứng 100 tỷ đô la cần có vào năm 2030 phục vụ nhu cầu điện năng của Việt Nam và thực hiện mục tiêu này theo cách tối đa hóa sử dụng các nguồn nội địa và đạt được những mục tiêu về môi trường ở Việt Nam.

Quy hoạch điện lực hiện tại của Việt Nam chú trọng vào than

Việt Nam dự kiến bổ sung 90GW công suất trong giai đoạn 2015 đến 2030

Nhu cầu điện của Việt Nam đang tăng lên và tiếp tục tăng trưởng nhanh chóng, phản ánh tình hình phát triển kinh tế đất nước. Giữa năm 2000 và 2015, phụ tải đỉnh tăng từ 4.9GW lên 25.8GW hoặc tính trung bình tăng 12% hàng năm. Những dự báo gần đây cho thấy phụ tải đỉnh tiếp tục tăng trưởng hai con số đạt 42GW vào năm 2030, 63,5GW vào năm 2025 và hơn 90GW vào năm 2030.

Công suất phát điện tăng trưởng theo tỷ lệ. Công suất đặt năm 2000 là 6.4GW. Đến năm 2015 là 38.6GW và theo Quy hoạch Phát triển Điện lực VII điều chỉnh (PDP VII) dự kiến sẽ tăng đến 60GW vào năm 2020, 96.5GW vào năm 2025 và 130GW vào năm 2030.

Than nhập khẩu có nên ngày càng tăng tỷ trọng trong các nguồn năng lượng sơ cấp?

Trước đây, trong các nguồn năng lượng sơ cấp ở Việt Nam, thủy điện chiếm tỷ lệ chi phối. Tuy nhiên, thực tế này đang thay đổi nhanh chóng. Trong năm năm, tỷ trọng nhà máy nhiệt điện than trong tổng sản lượng đã tăng gấp đôi từ 17% năm 2010 đến 34% năm 2015. Tỷ trọng thủy điện hiện nay khoảng 34%, tương đương tỷ trọng than. Tỷ trọng các nhà máy nhiệt điện khí giảm từ 43% năm 2010 xuống còn 29%.

Theo Quy hoạch hiện nay sẽ tiếp tục mở rộng nhiệt điện than sử dụng than nhập khẩu vì các nguồn thủy điện trong nước bắt đầu bị giới hạn hơn. PDP VII dự báo sẽ có 55GW công suất từ nhiệt điện than vào năm 2030, chủ yếu là từ than nhập khẩu.

Việt Nam hiện nay xếp hạng 20 toàn cầu về sử dụng các nhà máy nhiệt điện than sản xuất 14GW điện năng. Theo ước tính Việt Nam đến năm 2030 sẽ đốt số lượng than gấp 15 lần so với năm 2012 và trở thành quốc gia đứng thứ 8 trên thế giới về sử dụng than để sản xuất điện năng.

Tăng khai thác mỏ than đồng nghĩa với chi phí vận chuyển và môi trường cao hơn rất nhiều

Nhập khẩu than sẽ tăng từ 1.3MT năm 2015 lên 64MT năm 2020 và 155MT vào năm 2030 để phục vụ nhu cầu than cho các nhà máy. Tổng đầu tư cần thiết để xây dựng ngành công nghiệp nhập khẩu than vào khoảng 109.150 tỷ đồng từ năm 2016 – 2020, 373.273 tỷ đồng cho giai đoạn 2021-2030.

Nhưng những con số này cũng giả định rằng việc nhanh chóng mở rộng khai thác than nội địa sẽ đồng hành với những ảnh hưởng môi trường. Nếu không thực hiện đầu tư bổ sung để tăng cường quản lý môi trường đối với các dự án khai thác mỏ và quản lý ở cấp chiến lược, có công nghệ khai thác mỏ sạch hơn đắt tiền, và tăng cường tuân thủ pháp quy đối với quản lý bền vững về mặt môi trường đối với các nguồn tự nhiên, sẽ xảy ra thêm ảnh hưởng môi trường và tăng rủi ro khi khai thác thêm.

Than đẩy chi phí cơ sở hạ tầng sang cho Chính phủ

Có khả năng bổ sung thêm chi phí vào ngân sách chính phủ để phê duyệt và bảo trì các hạng mục giao thông vận tải như cảng, đường xá, tàu hỏa và các chi phí phát sinh khi di chuyển và chi trả tiền vận chuyển than nội địa và/hoặc nhập khẩu.

Chênh lệch về chi phí giữa nhà máy nhiệt điện sử dụng than mới với các nhà máy sử dụng công nghệ cũ gây ô nhiễm môi trường cần phải được đánh giá chính xác. Đối với mỗi tấn than được đốt trong các nhà máy hiện hữu – không sử dụng công nghệ sạch – ước tính tạo ra khoảng 2,86 tấn carbon dioxide.

Sự chênh lệch về chi phí và phát thải giữa công nghệ tới hạn, siêu tới hạn và trên siêu tới hạn (ultra-supercritical) của các nhà máy nhiệt điện than và các nhà máy chu trình hỗn hợp khí hóa tích hợp (IGCC) là rất lớn. Công nghệ tới hạn, siêu tới hạn và trên siêu tới hạn không được coi là than sạch. Hiện nay, thuật ngữ than sạch được sử dụng trong ngành than chủ yếu dẫn chiếu đến việc thu giữ và lưu trữ carbon (CCS), công nghệ này bơm và lưu trữ CO2 dưới mặt đất, và các nhà máy IGCC.

Than "sạch" đắt tiền hơn rất nhiều so với các nhà máy hiện nay

Các nhà máy IGCC có ưu điểm về mặt lý thuyết trong việc kiểm soát phát thải. Tuy nhiên, trên thế giới công nghệ này chỉ được sử dụng ở một vài nhà máy rất đắt tiền. Hơn nữa, có vài nghiên cứu chỉ ra rằng mức độ sạch của không khí khi có tiềm năng chuyển các chất gây ô nhiễm vào nước ngầm, làm nảy sinh thêm một số vấn đề.

Công nghệ CCS do vậy không hiệu quả về mặt kinh tế trên toàn cầu và sự thiếu hiệu quả về kinh tế này không thể thay đổi nếu không có trợ giá quy mô lớn của chính phủ để hỗ trợ phát triển, triển khai vàgiúp giảm chi phí. Khó có khả năng điều này sẽ xảy ra vào năm 2030.

Khí ngoài khơi rẻ hơn than và tạo ra hàng tỷ đô doanh thu

Tham khảo phân tích của Wood Mackenzie về tính kinh tế theo công nghệ của các nhà máy mới ở Việt Nam (*Cập nhật Thị trường Hàng hóa tháng 6/2016*), chi phí hòa vốn đối với các nhà máy nhiệt điện than công nghệ Tới hạn và Siêu tới hạn mới vào khoảng từ 61 đến 68 $/MWh. Chi phí hòa vốn cho nhà máy IGCC cao hơn khoảng 30% do chi phí vốn cao hơn. Ngược lại, nhà máy nhiệt điện khí CCGT mới có chi phí thấp hơn khi so sánh trực tiếp về mặt chi phí tài chính và từ quan điểm xã hội do mang lại doanh thu lớn cho Việt Nam (ước tính khoảng 40% của tổng giá trị dự án và lên đến 20 tỷ đô la cho hai mỏ được cấp phép là Block B và CVX).

	Khí CCGT	NM than mới (Than á bitum Indonesia)	NM than mới (Than á bitum Indonesia)
Công nghệ	**H Class**	**Siêu tới hạn**	**Dưới tới hạn**
Chung US$/kW	1,050	1,600	1,250
Hiệu suất	54	38	36
Hệ số công suất	85.0	85.0	85.0
Đời sống kinh tế (năm)	25.0	30.0	30.0
Tổng chi phí nhiên liệu (HHV) (US$/mmbtu)*	6.84	3.10	3.10
Các cấu phần			
Hỗn hợp (US$/MWh)	20.4	33.5	27.1
Biến đổi (US$/MWh)	45.7	32.6	34.3
Điểm hòa vốn (US$/MWh)	**66.1**	**66.1**	**61.3**

*Nguồn: Wood Mackenzie, Giả thiết *Dự báo giá cào bằng (Levelised price) cho 25 năm (2020 đến 2045): tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu 75%, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu sau thuế 20%, lãi suất trước thuế 10%, thuế suất 20%*

PDP VII chỉ ra đến năm 2030 điện hạt nhân dự kiến sẽ tham gia vào các nguồn năng lượng sơ cấp với tỷ trọng 3.5% tổng sản lượng. Về mặt dài hạn LNG cũng rất triển vọng nhưng vẫn sẽ có giá cao hơn khai thác các nguồn khí ngoài khơi của

Việt Nam.

Hình 1 Theo PDP VII, nhiệt điện than sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong công suất phát điện

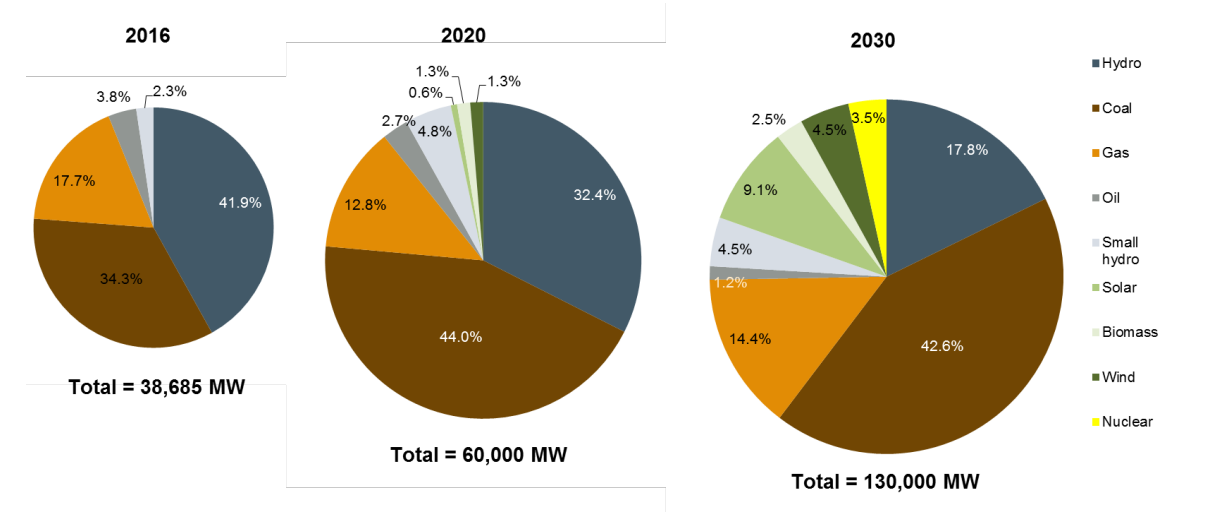

Nguồn: Quy hoạch PDP VII bản chính thức tháng 3/2016 và ECA

Tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện hiện nay đã vượt hơn tốc độ tăng thu nhập, nhu cầu điện đang tăng nhanh. Giữa năm 2004 và 2014, tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện vượt xa tốc độ tăng trưởng GDP. Năm 2004, để tạo ra một đô la GDP cần 0,9kWh điện. Vào năm 2014, con số này đã tăng lên 1,5kWh điện cho một đô la GDP (với mức giá không đổi).

Sử dụng điện không hiệu quả ở Việt Nam dự kiến ngày càng tệ hơn

So sánh với tốc độ tăng 70% của ngành điện trong vòng 10 năm qua, các quốc gia khác trong khu vực có tốc độ tăng bằng phẳng hoặc giảm. Việt Nam hiện tăng trưởng điện cao hơn Trung Quốc và tiệm cận gần mức quan sát được tại các quốc gia nổi tiếng về sử dụng điện rất không hiệu quả như Ukraine. Và dự kiến sẽ tăng trưởng cao hơn đạt mức 2,3kWh cho mỗi đô la GDP vào năm 2030. Ý nghĩa những con số này rất rõ ràng – Việt Nam hiện đang sử dụng điện rất không hiệu quả và dự kiến mức không hiệu quả sẽ tiếp tục duy trì nếu không có sự điều chỉnh lớn về mặt pháp lý/điều tiết.

Những ràng buộc chính đối với các biện pháp Hiệu quả Năng lượng là:

(i) thiếu khung chính sách và bắt buộc thi hành,

(ii) biểu giá điện quá thấp; và

(iii) cơ chế tài chính đối với đầu tư công nghệ hiệu suất năng lượng và bảo tồn năng lượng.

Nhìn chung, các quốc gia đã bổ sung các yêu cầu điều tiết đối với các hộ gia đình, văn phòng, nhà máy và đổi mới công nghệ sử dụng điện cũng như nâng cấp thiết bị để tăng cường hiệu quả. Những yêu cầu về điều tiết đó đã dẫn tới cải tiến trong đầu tư và tiết kiệm điện.

Việc xây dựng các quy định về xây dựng và sản xuất chế tạo có thể làm giảm đáng kể lượng điện sử dụng trong văn phòng, trong các hộ gia đình, cơ sở bán lẻ,

nhà xưởng và các nhà máy sản xuất chế tạo. Tăng giá để phản ánh chi phí thực tế đã chứng minh làm giảm lượng sử dụng điện của các ngành nghề, tăng doanh thu và tạo điều kiện cho chính phủ tập trung vào các nguồn hỗ trợ dành cho các nhu cầu thật sự.

Ngoài ra, việc hướng dẫn tuyên truyền giáo dục cho người dân về lợi ích của việc tiết kiệm điện và cách thức thực hiện cũng sẽ giúp có được hỗ trợ từ người dân cho năng lượng tái tạo và hiệu suất năng lượng, và khuyến khích đổi mới cải tiến, đầu tư của khu vực tư nhân, người dân có thể tham gia và hỗ trợ cho một kế hoạch tổng thể xây dựng một môi trường sạch và bền vững ở Việt Nam.

Hình2 Nhu cầu điện của Việt Nam ở mức cao và tốc độ tăng trưởng nhanh

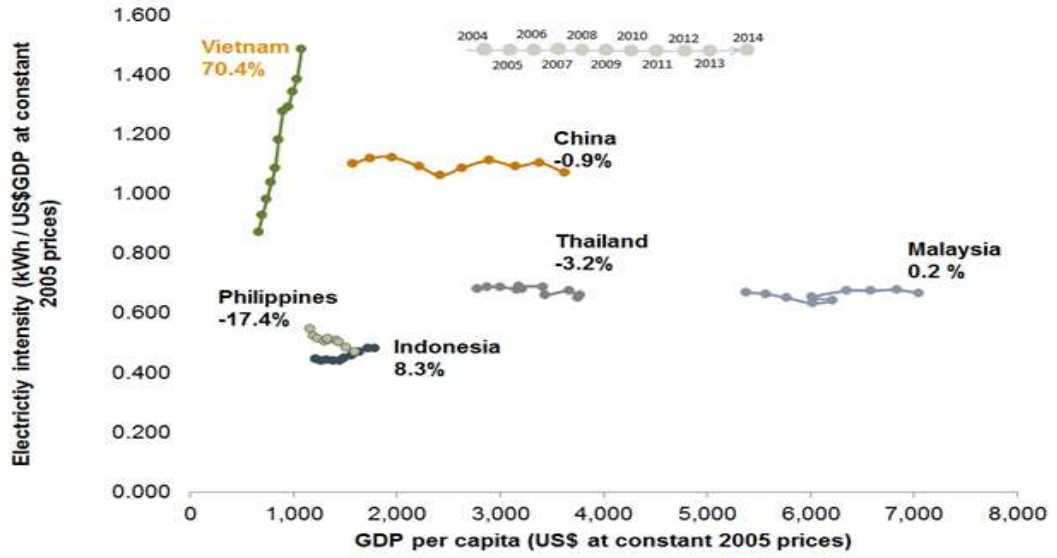

Nguồn: Tính toán của ECA sử dụng số liệu trong cuốn Niên giám Thống kê của BP (khâu phát điện) và Ngân hàng Thế giới (GDP thực và GDP theo đầu người).

Không nên đánh đổi phát triển với chi phí xã hội và chi phí môi trường cao cũng như rủi ro lớn

Than sẽ còn tiếp tục có vai trò ngày càng lớn và khiến cho Việt Nam gặp khó khăn trong việc thực hiện được các cam kết của mình về sức khỏe, môi trường và biến đổi khi hậu trong tương lai.

Chi phí sức khỏe và môi trường cho Quy hoạch phát triển điện của Việt Nam có thể đạt mức 15 tỷ đô vào năm 2030

Sử dụng các chi phí do Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tính toán, chúng tôi ước tính rằng chi phí chi cho ảnh hưởng sức khỏe và môi trường của quy hoạch phát triển điện hiện tại sẽ vào khoảng 15 tỷ đô la hàng năm vào năm 2030[2].

Nhiều nghiên cứu khác cũng nhấn mạnh những ảnh hưởng có hại của quy hoạch phụ thuộc vào than của Việt Nam. Một cáo cáo gần đây của đại học Havard[3] ước tính rằng các nhà máy nhiệt điện than sẽ khiến cho 4300 người chết trẻ mỗi năm ở Việt Nam, và con số này sẽ tăng lên 25.000 người mỗi năm nếu quy hoạch mở rộng xây dựng các nhà máy nhiệt điện than được thực hiện đầy đủ[4].

Các bệnh về hô hấp và đau ốm có thể có nguyên nhân trực tiếp là do chất lượng không khí kém. Báo cáo của WB tháng 9/2016 về "*The Cost of Air Pollution - Strengthening the Economic Case for Action*" (https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/25013) ước tính rằng tổng số người chết từ ô nhiễm không khí ở Việt Nam lên đến 66.000 người trong năm 2013, tổng chi phí cho người đang ở độ tuổi lao động đã chết tương đương với 1,5 tỷ đô la và tổng thiệt hại phúc lợi xã hội tương đương 23,8 tỷ đô. Báo cáo cũng lưu ý rằng

> 'Ở khu vực đô thị Việt Nam, bệnh hô hấp cấp tính phổ biến gấp đôi ở các hộ gia đình có thu nhập thấp so với các hộ có thu nhập cao. Gánh nặng sức khỏe không cân đối đối với các hộ nghèo do không những họ tiếp xúc với không khí ô nhiễm nhiều hơn mà còn có những yếu tố như sức đề kháng kém, tiếp xúc đồng thời với các rủi ro sức khỏe môi trường khác, và sự không bình đẳng trong sử dụng và tiếp cận các dịch vụ cơ bản'.

Sự kết hợp giữa nhu cầu điện tăng nhanh, điện năng tăng trưởng nhanh và tỷ trọng điện than tăng đồng nghĩa với thực tế phát thải carbon dioxide của Việt Nam tăng rất nhanh. Giữa năm 2000 và 2010, phát thải trên đầu người giảm trung bình 8% trong các nước OECD trong khi ở Việt Nam tăng thêm 150% trên đầu người.

Chiến lược Phát triển Xanh của Việt Nam (Quyết định 1393/QD-TTg, 2012) rất phù hợp với MVEP, cũng nhận diện ngành năng lượng và giao thông là hai ngành phát thải nhiều nhất và lập ra các mục tiêu: (i) giảm phát

[2] Được tính toán sử dụng nhà máy nhiệt điện than dự kiến 311 TWh trong năm 2030 và ước tính của IMF về chi phí sức khỏe và môi trường của việc tiêu thụ than ở Việt Nam vào khoảng 2,26$/GJ (tương đương với khoảng 8,07/MWh điện năng được phát ra). Áp dụng chi phí carbon 35$/tCO2e. Nguồn: *Định Giá Năng lượng Đúng*, 2014, IMF (http://www.imf.org/external/np/fad/environ/data/data.xlsx).

[3] http://acmg.seas.harvard.edu/presentations/2015/koplitz_japan_symposium_20150529.pdf

[4] Greenpeace Southeast Asia 2015, available at: http://www.greenpeace.org/seasia/Press-Centre/Press-Releases/Coal-expansion-in-Vietnam-could-claim-25000-lives-per-year/

Quy hoạch hiện nay khiến khó cam kết toàn cầu của Việt Nam về chống biến đổi khí hậu trở nên khó đạt được

thải khí nhà kính và khuyến khích năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; và (ii) khuyến khích lối sống xanh và tiêu thụ bền vững. Theo Chiến lược này, chính phủ đặt mục tiêu giảm phát thải CO2 20% vào năm 2030 tương ứng với kịch bản BAU (mọi công việc kinh doanh diễn ra bình thường).

Phù hợp với nội dung trên, Việt Nam đã xây dựng "*Kế hoạch Triển khai Thỏa thuận Paris*" về biến đổi khí hậu, kêu gọi giảm 8% phát thải GHG so sánh với mức BAU. Đóng góp Dự kiến do Quốc gia tự quyết định của Việt Nam (INDC) đã đệ trình sớm mục tiêu lên COP21 giảm phát thải 25% thực hiện với sự hỗ trợ của quốc tế.

Hình3 Phát thải carbon của Việt Nam đang tăng với tốc độ nhanh nhất trong khu vực

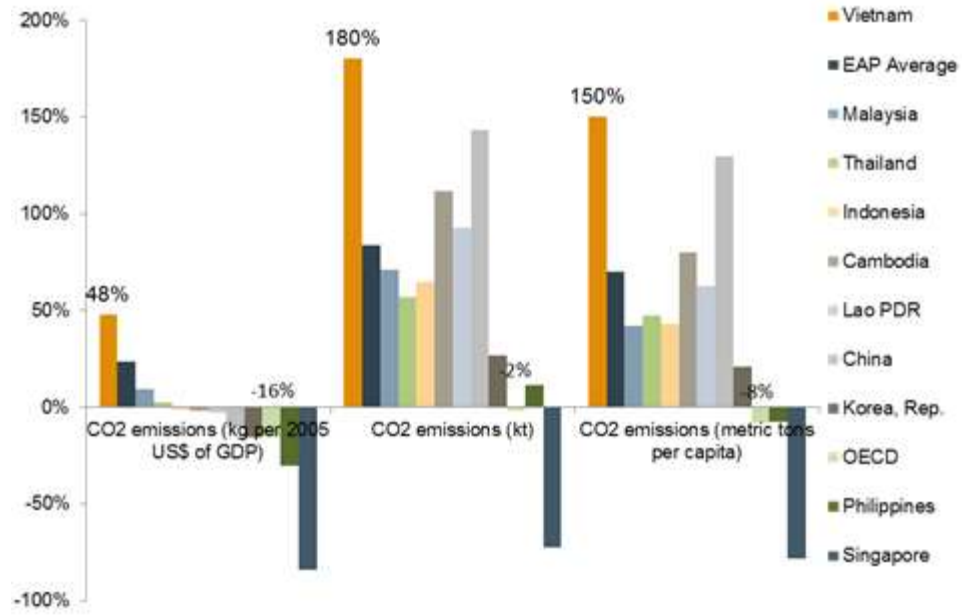

Nguồn: World Bank (2015) Đánh giá các Phương án Phát triển Carbon Thấp cho Việt Nam

Việc phụ thuộc nhiều vào các nhà máy nhiệt điện than tạo ra các rủi ro lớn trong quy hoạch phát triển điện lực. Bản thân sự phụ thuộc vào chỉ một loại nhiên liệu để cung cấp năng lượng vốn đã rủi ro. Ví dụ, những lo ngại của quốc tế về ảnh hưởng phát thải của nhiệt điện than có thể được phản ánh trong cam kết quốc tế như áp dụng thuế carbon – có thể tại nguồn hoặc có thể đánh thuế vào nhiên liệu đầu vào. Trong quy hoạch của Việt Nam, phụ thuộc nhiều vào các nhà máy than nhập khẩu khiến cho Việt Nam sẽ rất dễ bị tổn thương/ảnh hưởng khi áp dụng chính sách mới về carbon.

Về bản chất, các nhà máy nhiệt điện than là các nhà máy lớn và đầu tư 'gián đoạn (lumpy)' với thời gian đặt hàng kéo dài. Điều này phát sinh rủi ro, trong một môi trường tăng trưởng nhu cầu không ổn định cùng với việc giảm ngân sách cho các dự án than, Việt Nam có thể đối mặt với rủi ro tài sản treo khi mà công suất bổ sung vượt hơn tốc độ tăng trưởng hoặc không thể đáp ứng đủ và kịp thời khi nhu cầu tăng cao đột biến. Ngược lại, có thể triển khai các dự án năng lượng tái tạo quy mô nhỏ một cách nhanh chóng hơn cho phép tiếp cận kiểu module tới đầu tư công suất điện theo dõi sự biến động về nhu cầu.

Rủi ro cao về sự không cân đối cung cầu do có khó khăn trong công tác dự báo phụ tải

Rủi ro này là có thực và có thể dễ dàng quan sát được từ dự báo nhu cầu thay đổi trong PDP của Việt Nam. PDP VI đã được phê duyệt dự báo tổng công suất trong năm 2015 là 130 TWh trong khi số liệu thực tế là 164 TWh. PDP VII ban đầu khi được phê duyệt vào năm 2011, ngược lại lại dự báo là cần có 194 TWh.

Sự chênh lệch giữa nhu cầu thực tế trong năm 2015 và dự báo trong quy hoạch PDP VI thể hiện sự thiếu hụt của năm nhà máy nhiệt điện than lớn[5]. Khoảng trống giữa thực tế và dự báo trong PDP VII lại thể hiện sự dư thừa bốn nhà máy nhiệt điện than. Đây là những dự án đầu tư lớn và tốn kém trong khi nhu cầu cho các nhà máy này lại không chắc chắn và dễ thay đổi. Vào năm 2030, sự chênh lệch trong nhu cầu công suất dự báo giữa quy hoạch PDP VII ban đầu và quy hoạch VII điều chỉnh, được ban hành chỉ bốn năm sau quy hoạch VII ban đầu, tương đương với 20GWhoặc 17 nhà máy nhiệt điện than.

Hình 4 Lỗi khi thực hiện dự báo nhu cầu điện đã xảy ra trong quá khứ

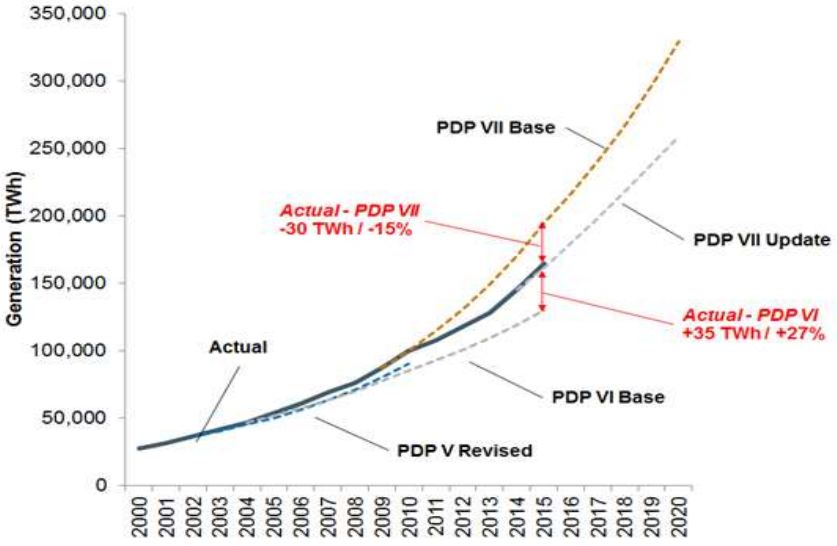

Nguồn: Nghiên cứu của ECA

EVN có thể thu

Rủi ro không thể thu xếp tài chính cho các dự án trong quy hoạch phát triển điện lực hiện nay là cao. Theo ước tính của chúng tôi yêu cầu đầu tư công

[5]Giả thiết một nhà máy than với công suất đặt 1,200 MW và hệ số công suất 75%.

xếp tài chính cho khoảng một nửa các dự án đầu tư trong quy hoạch điện VII

suất khoảng 6,9 tỷ đô la hàng năm tính trung bình từ năm 2015 đến 2020 và tăng lên 11,4 tỷ đô la hàng năm từ năm 2020 đến 2030. Để so sánh, đầu tư hàng năm của EVN vào các nhà máy điện được công bố trong báo cáo thường niên là 2,3 tỷ đô la vào năm 2013 và 2,8 tỷ đô la vào năm 2014.

Khoảng trống về thu xếp tài chính sẽ cần phải được lấp đầy từ đầu tư tư nhân, trong nước hoặc nước ngoài, và từ các khoản vay tiềm năng nhất định từ các tổ chức tài chính quốc tế và các tổ chức tài trợ quốc tế.

Nhưng càng ngày càng có nhiều nhà đầu tư tiềm năng gặp nhiều rào cản về chính sách trong việc đi vay đầu tư các dự án nhiệt điện than. Các ràng buộc đối với nhiều dự án nhiệt điện than hiện đang được các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á mở rộng và tăng thêm.

Vốn ngoại cho nhiệt điện than đang giảm nhanh chóng

Nhiều nhà đầu tư khu vực tư nhân và cơ sở hạ tầng hiện nay đang bắt đầu rút khỏi các dự án đầu tư nhiệt điện than. Ví dụ, Quỹ Hưu trí Chính Phủ Na Uy Toàn Cầu (NGPFG), một trong mười quỹ đầu tư hàng đầu trên thế giới vào ngành công nghiệp than, bắt đầu từ bỏ đầu tư các dự án than. AXA, công ty bảo hiểm lớn nhất của Pháp gần đây đã quyết định không bảo hiểm cho các công ty khai thác mỏ có hơn 50% doanh thu từ than. Công ty Engie (trước đây là GDF-Suez) không còn đầu tư hoặc phát triển bất cứ nhà máy nhiệt điện than nào nữa.

Việt Nam sẽ ngày càng phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn đầu tư từ số lượng các quốc gia hoặc các nguồn ít hơn, đây là những quốc gia và nguồn vẫn tiếp tục hỗ trợ nhiệt điện than và thực tế này sẽ dẫn đến rủi ro về địa chính trị. Khi đó, Việt Nam sẽ không thể thu xếp tài chính cho dự án than mới hoặc phải trả chi phí đắt, rủi ro cao và có khả năng bị chậm tiến độ.

Ngược lại, việc thu xếp tài chính cho đầu tư các dự án năng lượng sạch sẽ là một thị trường phát triển bùng nổ, chứ không phải như thị trường mà Việt Nam hiện đang tham gia.

Vốn tài trợ cho năng lượng sạch ở các thị trường mới nổi rất dồi dào và vẫn đang tăng lên

Indonesia đã thu hút 1,9 tỷ đô la vào đầu tư năng lượng sạch trong năm 2014. Các tỉnh và thành phố ở Trung Quốc và Ấn Độ cũng thu hút đầu tư nhiều hơn Việt Nam – năm 2014 chỉ tính riêng tỉnh Yunnan đã nhận được 4,5 tỷ đô đầu tư vào năng lượng sạch và thành phố Rajasthan ở Ấn Độ nhận được 1,5 tỷ đô la. Nam Phi, cũng là một quốc gia phụ thuộc nhiều vào than, đã có khả năng tạo ra đầu tư 1,4 tỷ đô la cho năng lượng sạch trong năm 2014 và 5 tỷ đô la đầu tư vào điện gió và điện mặt trời trong mỗi năm của 2 năm trước đó.

Việt Nam tiếp nhận lượng nhỏ vốn đầu tư vào năng lượng tái tạo

Ngược lại, ở Việt Nam, những quyết định chính sách và điều tiết hiện nay kiềm chế tăng trưởng năng lượng tái tạo. Tổng đầu tư vào năng lượng sạch trong năm 2014 ở Việt Nam được ước tính chỉ khoảng 67 triệu đô la và đã giảm mạnh từ 821 đô la trong năm 2009 khi không khuyến khích đầu tư các dự án thủy điện nhỏ mới[6]. Nhiều chiến lược cần được thực thi để thu hút các dự án khả thi tài chính và giảm nhu cầu cần bảo lãnh Chính phủ.

Việc sử dụng năng lượng tái tạo cũng ngày càng trở nên quan trọng đối với nhiều tập đoàn đa quốc gia lớn. Ngày càng có nhiều các công ty đa quốc gia như Apple nhấn mạnh tầm quan trọng của các đối tác toàn cầu sử dụng năng lượng sạch để vận hàng các nhà máy của mình cũng như hỗ trợ đầu tư của các đối tác trong các dự án năng lượng sạch. Ngày càng có thêm các công ty tìm kiếm cách thức giảm phát thải carbon trên một đơn vị sản phẩm bằng cách khuyến khích tiết kiệm năng lượng và đẩy mạnh cung cấp năng lượng tái tạo.

Tăng phát thải carbon có thể tác động xấu đến FDI trong tương lai

Ngành điện ngày càng đóng góp phát thải carbon nhiều hơn hiện lại đang xa rời các yêu cầu của nhiều nhà đầu tư nước ngoài lớn và xa rời Thỏa thuận Paris.

[6]Climatescope Annual Report, 2015.

Các phương án đề xuất trong Quy hoạch Năng lượng Việt Nam

MVEP ưu tiên các nguồn năng lượng nội địa của Việt Nam

MVEP sẽ tối đa hóa các nguồn năng lượng nội địa của Việt Nam và coi các nguồn này là một phương án thay thế các dự án nhiệt điện than nhập khẩu. Để thực hiện đầu này, MVEP đề xuất sản xuất điện ổn định, có phương án cân đối rủi ro-chi phí tốt hơn, chăm sóc y tế tốt hơn, phát thải thấp và giảm ô nhiễm môi trường, mang lại môi trường trong lành hơn.

Có ba giác độ chính trong MVEP:

- Tăng ***hiệu suất năng lượng*** và giảm lãng phí
- Tặng cường vai trò của ***năng lượng tái tạo*** trong các nguồn năng lượng sơ cấp
- Tối đa sử dụng các nguồn ***khí tự nhiên nội địa*** của Việt Nam.

Những lợi ích phi tài chính của MVEP hàm chứa và gia tăng trong kế hoạch quốc gia, nâng cao kỹ năng người lao động, tăng cường phát triển công nghiệp, và sử dụng các nguồn nội địa để định hướng chương trình phát triển.

Công suất năng lượng tái tạo toàn cầu đang tăng lên

Quy hoạch Phát triển Điện VII điều chỉnh đã đưa ra một bước quan trọng hướng tới sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo dồi dào của Việt Nam. Vào năm 2030, trong số công suất điện gió 27GW và công suất điện mặt trời 13GW dự kiến, Quy hoạch Phát triển Điện VII điều chỉnh đặt mục tiêu bổ sung thêm 6GW điện gió và 12GW điện mặt trời vào công suất 12TWh hàng năm (2% tổng số) được cấp từ phát điện sinh khối và tăng công suất thủy điện nhỏ.

Tuy nhiên, chúng tôi tin có thể làm được nhiều hơn như vậy. Cụ thể, chúng tôi đặt giả thiết có thể có gấp đôi lượng công suất gió lên đến 12GW vào năm 2030, con số này thể hiện sử dụng một nửa tiềm năng gió của Việt Nam. Đồng thời chúng tôi cũng dự kiến sẽ có lượng công suất nhỏ từ điện địa nhiệt.

Chi phí năng lượng tái tạo đang giảm xuống nhanh chóng

Nhìn chung, chi phí và giá của nhiều giải pháp năng lượng tái tạo hiện giảm xuống nhanh chóng vì nhiều sáng kiến đổi mới và đầu tư, nhận thức về biến đổi khí hậu và các cam kết đang gia tăng. Việt Nam cần một môi trường điều tiết để tận dụng toàn bộ các ưu thế của những đổi mới này và để khuyến khích người dân và các doanh nghiệp trong nước tham gia rộng rãi.

Một số quốc gia tương tự như Mê hi cô, Ấn Độ và Brazil đầu tư vào năng lượng gió bằng cách thu hút đầu tư tư nhân đã có thể giảm chi phí phát triển điện gió trong năm năm vừa qua bằng cách kết hợp nhiều khuyến khích để thu hút đầu tư tư nhân, các nhà phát triển và các đầu tư trực tiếp nước ngoài muốn đầu tư vào năng lượng tái tạo.

Gần đây các nhà thầu Việt Nam đã thể hiện khả năng có thể nhanh chóng giảm chi phí và thời gian xây dựng một khi thực hiện chuyển giao công nghệ. Chi phí của tua bin gió tiếp tục giảm xuống vì tua bin ngày càng có hiệu suất cao hơn.

Quy hoạch Phát triển Điện VII dự kiến sẽ có nguồn cấp khí mới từ mỏ Block B và Cá Voi Xanh, cho phép mở rộng công suất phát điện khí 6,75GW vào năm 2026. Dự kiếncó một lượng công suất bổ sung 5GW sử dụng khí LNG nhập khẩu vào năm 2028. Vào năm 2030, tiêu thụ khí nội địa trong ngành điện dự kiến sẽ tăng đến khoảng 12BCM hàng năm so sánh với 8BCM như hiện nay. Nhập khẩu LNG sẽ đạt khoảng 6 Mtpa so sánh với mức bằng 0 như hiện nay.

Sử dụng các nguồn khí nội địa của Việt Nam

Mức tiêu thụ khí nội địa dự kiến chỉ thể hiện một phần nhỏ tiềm năng nguồn khí của Việt Nam. Lượng dự phòng kiểm chứng được báo cáo 600BCM và nguồn ước tính từ Khảo sát Địa chất Mỹ cho thấy có nguồn 1000BCM. Báo cáo tháng 11/2015 của Wood MacKenzie ước tính lượng dự phòng có thể có được chỉ tính riêng ở mỏ Block B phía nam Việt Nam vào khoảng 100BCM, khối lượng này có thể đủ để thay thế 20 tấn than nhập khẩu.

Trong hàng năm trời, đã có nhiều lần trì hoãn khai thác các nguồn khí nói trên – tuy nhiên các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài luôn sẵn sàng và có ý muốn thực hiện những hoạt động đầu tư cần thiết để khởi động các dự án này với giá hợp lý.

Tăng sử dụng khí nội địa có chi phí rẻ hơn và mang lại lợi ích cho toàn xã hội

Trong quá khứ, những mối lo ngại về chi phí phát triển khí cao dẫn đến ảnh hưởng đến tiền điện của khách hàng là những rào cản chính đối với việc mở rộng sử dụng khí nội địa để phát điện. Nhưng lập luận này không chính xác khi xét đến doanh thu cho ngân sách của chính phủ (thuế, tiền thuê mỏ và chia sẻ lợi nhuận), những khoản doanh thu này xuất phát từ các dự án phát triển khí nội địa, trong khi những dự án sử dụng nhiên liệu nhập khẩu sẽ không mang lại những khoản doanh thu này.

Các nhà máy nhiệt điện khí có ít ảnh hưởng tiêu cực, nhiều ảnh hưởng tích cực và nhiều lợi ích

Dựa vào thỏa thuận chia doanh thu trong Hợp đồng Chia sẻ Sản xuất (PSC) năm 2014, các báo cáo báo chí đã chỉ ra rằng giá cung cấp khí của Block B cho nhà máy nhiệt điện Ô Môn có thể rơi vào khoảng 8 đến 9 $/MMBTu, giá này có thể được chia thành 4,80 – 5,40$ cho các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài và 3,20-3,60 nộp cho chính phủ dưới hình thức doanh thu.

Tùy thuộc vào từng dự án điện khí, khoảng 40-60% “chi phí” khí thực tế là phần dành cho doanhh thu của Chính phủ - mà phần này có thể được tái đầu tư ở Việt Nam vì lợi ích của toàn xã hội.

Dòng doanh thu của Chính phủ chỉ tính riêng từ Block B trong toàn bộ tuổi thọ của mỏ này được Wood MacKenzie ước tính (năm 2013) khoảng 15 tỷ đô la doanh thu thuần cho Chính phủ từ tiền thuê mỏ, chia sẻ lợi nhuận và thuế, đây là mức doanh thu sau khi thu hồi đầy đủ chi phí và đã tính tỷ suất

lợi nhuận cho các nhà đầu tư thương mại. Khi so sánh khoản này với hóa đơn nhập khẩu than ước tính (theo dự báo giá than giữa năm 2015 của Wood MacKenzie) vào khoảng 20 đến 25 tỷ đô la tùy thuộc vào nguồn nhập khẩu, đây là lượng than cần để nạp nhiên liệu cho 3GW cho tuổi thọ của dự án.

Biến động chi phí giữa 3GW khí ngoài khơi và 3GW than nhập khẩu có thể lên đến 40 tỷ đô la khi so sánh doanh thu ngân sách Chính phủ nhận được từ việc phát triển khí so với tổng chi phí của than nhập khẩu.

Cũng với tầm quan trọng như vậy, tính kinh tế khi phát triển khí rất hấp dẫn các nhà đầu tư khu vực tư nhân – kể cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài – có thể xây dựng và vận hành dự án với sự hỗ trợ toàn cầu và đáp ứng các mục tiêu an ninh quốc gia, độc lập về năng lượng và biến đổi khí hậu. Một bước chuyển lớn sang khí tự nhiên có thể mang lại nhiều lợi ích to lớn cho ngân sách của Việt Nam, cho khách hang sử dụng điện và cho môi trường. Khí tự nhiên có chi phí hợp lý, đáng tin cậy, hiệu quả và luôn có sẵn. Khí cũng là nguồn phát thải ít carbon nhất trong số các nguồn năng lượng chính, phát thải ít hơn 60% carbon so với than khi được dung để phát điện.

Quy hoạch Phát triển Điện lực VII điều chỉnh đã có những sự thay đổi lớn so với Quy hoạch ban hành từ năm 2011, nhưng quy hoạch năng lượng cho Việt Nam có thể đề xuất nhiều thay đổi hơn nữa.

Kết luận

Cải thiện hiệu suất năng lượng có thể giảm nhu cầu hơn 10%

Việt Nam có thể xây dựng lộ trình độc lập năng lượng ổn định hơn và sạch hơn đồng thời đạt được mục tiêu 70% đầu tư tư nhân vào ngành năng lượng, bằng cách chú trọng hơn vào phát triển các nguồn năng lượng nội địa.

Ba giác độ chính đối với Quy hoạch Năng lượng Việt Nam;

Khía cạnh 1: Hiệu suất Năng lượng

MVEP tăng ngân sách cho nền kinh tế Việt Nam đối với ngành điện

Tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện cao ở Việt Nam khi so sánh với các nước trong khu vực nên cần phải có hành động cụ thể. Rất nhiều nghiên cứu đã nhấn mạnh tiềm năng lớn của Việt Nam trong việc cải thiện hiệu suất năng lượng, cần phải có chiến dịch phổ biến tuyên truyền cho người dân để thực hiện điều này.

Đánh giá gần đây nhất trong báo cáo *Báo cáo Tìm kiếm Con đường Phát triển Ít Phát thải Carbon cho Việt Nam* (2015) của Ngân hàng Thế giới có đề cập đến, vào năm 2030, nhu cầu điện có thể giảm 61TWh với kịch bản BAU hoặc tương đương 11% các yêu cầu dự báo trong năm đó. Trong lượng giảm này, hai phần ba sẽ bắt nguồn từ cải thiện hiệu suất năng lượng trong ngành và một phần ba từ tăng cường tiết kiệm năng lượng tại hộ gia đình và các thiết bị thương mại.

Khía cạnh 2: Năng lượng tái tạo

Hầu hết các so sánh đều không nhận ra tiềm năng trong MVEP đối với chi tiêu cho các dự án hiệu suất năng lượng, năng lượng tái tạo và khí nội địa sẽ được quay vòng để chi cho mua sắm hàng hóa và dịch vụ ở Việt Nam. Các dự án hiệu suất năng lượng và năng lượng tái tạo, do là các dự án riêng lẻ có quy mô nhỏ, phù hợp hơn nhiều xét trên khía cạnh thu xếp tài chính trong nước, sáng kiến đổi mới và quyền sở hữu so với các nhà máy than lớn. Điều này có nghĩa là công ăn việc làm và lợi ích của các dự án đầu tư này có khả năng được duy trì ở Việt Nam.

Khi Chủ tịch Ngân hàng Thế giới đến Việt Nam vào tháng năm năm 2016, đã nói về năng lượng tái tạo như sau 'Chúng tôi đang thảo luận các công cụ cần có để giảm chi phí năng lượng tái tạo một cách đáng kể và nhanh chóng'.

Khía cạnh 3: Sử dụng khí ngoài khơi để phát điện

Là một loại nhiên liệu chủ chốt, việc tăng tỷ trọng khí nội địa trong các nguồn năng lượng sơ cấp sẽ mang lại doanh thu cho ngân sách của Chính phủ Việt Nam và các doanh nghiệp trong nước – trong tài khóa hiện nay khoảng 40% ngân sách có từ bán khí tự nhiên tích lũy lại phục vụ chi tiêu của Chính phủ ở Việt Nam, lên đến 7 tỷ đô la doanh thu cho ngân sách trên 1 GW. Giá phản ánh chi phí phát triển sẽ thu hút đầu tư trong nước và nước

ngoài và hướng tới khai thác phát triển các dự án đang bị trì hoãn dài hạn.

Ngược lại, doanh thu đối với LNG và than nhập khẩu chảy ra nước ngoài trong hầu hết các dự án sử dụng những loại nhiên liệu này. Nên tối ưu hóa phát triển khí tự nhiên nội địa để giảm sự phụ thuộc của Việt Nam vào chi phí và rủi ro của nhiên liệu nhập khẩu.

Ảnh hưởng của MVEP

MVEP tăng cường an ninh quốc gia cho Việt Nam. Giảm phụ thuộc vào một loại nhiên liệu, đó là than nhập khẩu. Và nhiều khả năng các nhà máy mới có thể được thu xếp tài chính một cách kịp thời với chi phí hợp lý đồng thời tránh cho Việt Nam phải phụ thuộc vào các tổ chức tài chính và các quốc gia sẵn sàng tiếp tục thực hiện đầu tư vào các nhà máy than lớn và khai thác mỏ than mà số lượng của các tổ chức/công ty này ngày càng giảm xuống.

Quy hoạch Năng lượng Việt Nam làm tăng an ninh quốc gia của Việt Nam

Thông qua chính sách, các nỗ lực điều tiết, thể chế và giáo dục người dân, Việt Nam có thể xây dựng lộ trình hướng tới một tương lai năng lượng hiệu quả, sạch, bền vững và an ninh.

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) được thành lập năm 1997 tại Hội nghị Tư vấn thường niên giữa Chính phủ Việt Nam và các đối tác tài trợ như Ngân hàng Thế giới và IFC. Diễn đàn như một kênh đối thoại khối công-tư hoạt động phi lợi nhuận nhằm mục đích xây dựng một môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư tư nhân trong và ngoài nước và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam. Hoạt động của Diễn đàn chủ yếu thông qua các phiên họp cấp cao định kỳ hai lần một năm giữa lãnh đạo cấp cao của Chính phủ Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp đồng thời thông qua hoạt động của các nhóm công tác chuyên trách trên tất cả các lĩnh vực kinh tế.

Trong các phiên họp cấp cao định kỳ hai lần một năm, Chính phủ Việt Nam thường có lãnh đạo cấp cao nhất tham gia cùng với sự tham gia của 12 Bộ. Các phiên họp này thường do Thủ tướng Chính phủ chủ trì, và đồng chủ trì bởi Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư, Giám đốc Quốc gia tại Việt Nam của Ngân hàng Thế giới, đại diện của IFC tại Việt Nam và đồng chủ tịch của Liên minh. Mục tiêu của các Phiên họp và Nhóm Công tác là trình cho chính phủ đề xuất chính sách và đưa ra một số phản hồi cụ thể về các điều kiện thực tiễn.

THÀNH VIÊN LIÊN MINH

THÀNH VIÊN LIÊN KẾT

Để biết thêm thông tin, xin liên hệ:

Ban Thư ký – Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam
Điện thoại.: (844) 3715 2223 – Fax: (844) 3715 2218
Email: info@vbf.org.vn – Website: www.vbf.org.vn/
Địa chỉ: Tầng trệt, Khách sạn Sofitel Plaza Hà Nội, Số 1 đường Thanh Niên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.